CTCP Đầu tư nước sạch Sông Đà (UPCOM: VCW)

FireAnt

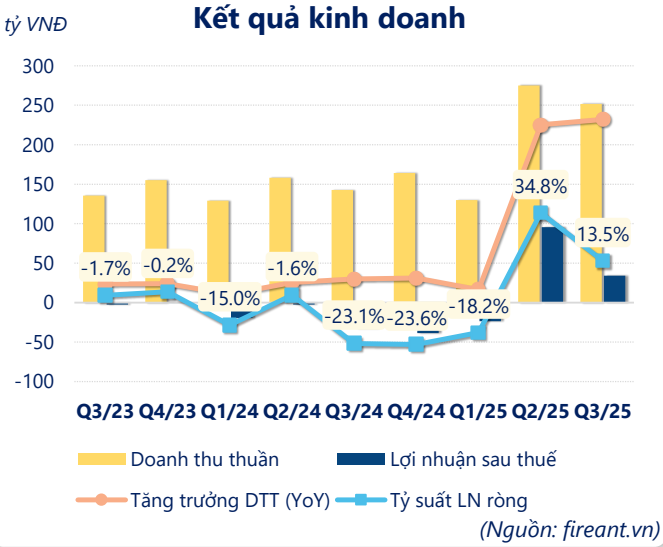
Ngày 30/09/2025	40,100 VNĐ		
	1 tháng	3 tháng	6 tháng
Thay đổi	-2.2%	23.8%	21.1%

ROE Q3/25: 5.2% | +/- YoY ▲ 9.5%

	Q3/25	QoQ	YoY
DT thuần	252 tỷ VNĐ	▼ 23.0 ▼ 8.4%	▲ 109 ▲ 76.1%
LN gộp	102 tỷ VNĐ	▼ 41.0 ▼ 28.7%	▲ 79.1 ▲ 345%
LN thuần	40.8 tỷ VNĐ	▼ 54.7 ▼ 57.3%	▲ 73.8 ▲ 224%
LN sau thuế	34.0 tỷ VNĐ	▼ 61.5 ▼ 64.4%	▲ 67.0 ▲ 203%

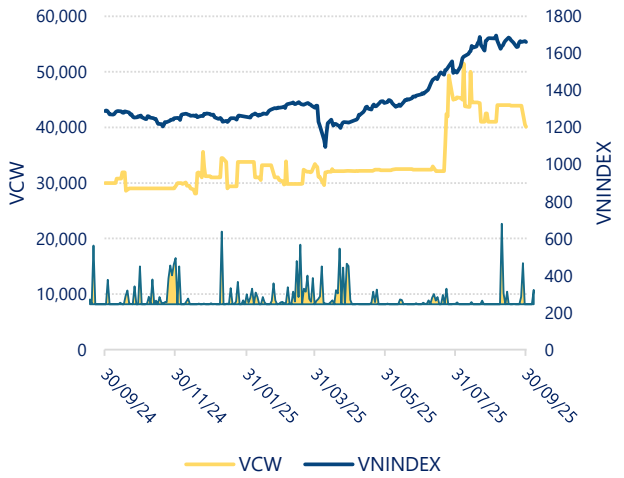
	9T 2025	YoY
DT thuần	657 tỷ VNĐ	▲ 227 ▲ 52.7%
LN gộp	271 tỷ VNĐ	▲ 177 ▲ 189%
LN thuần	113 tỷ VNĐ	▲ 168 ▲ 305%
LN sau thuế	106 tỷ VNĐ	▲ 161 ▲ 293%

Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

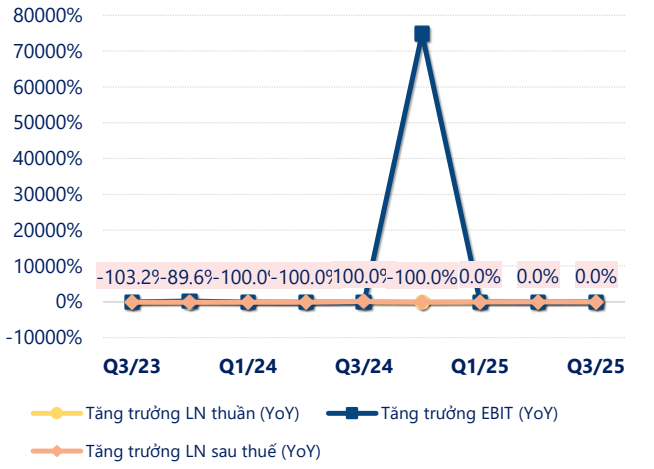
Lịch sử giá



CTCP Đầu tư nước sạch Sông Đà (UPCOM: VCW)

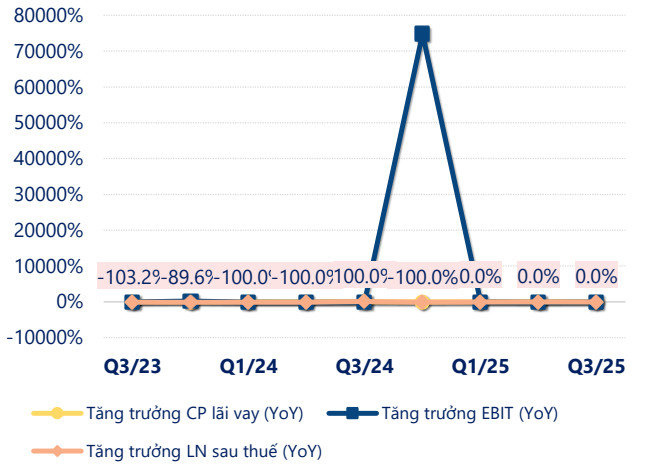
FireAnt

Tăng trưởng lợi nhuận



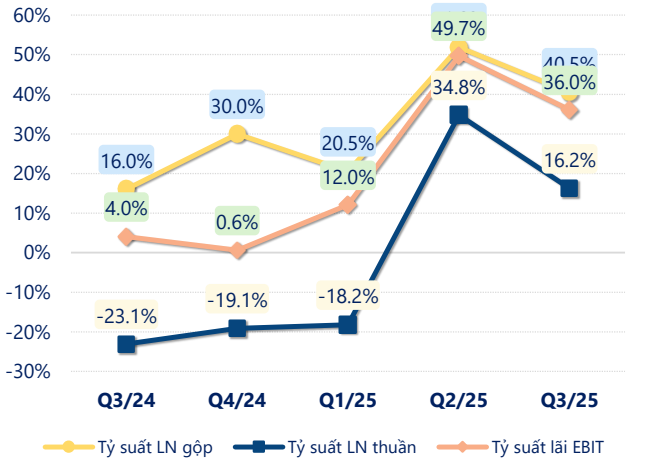
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



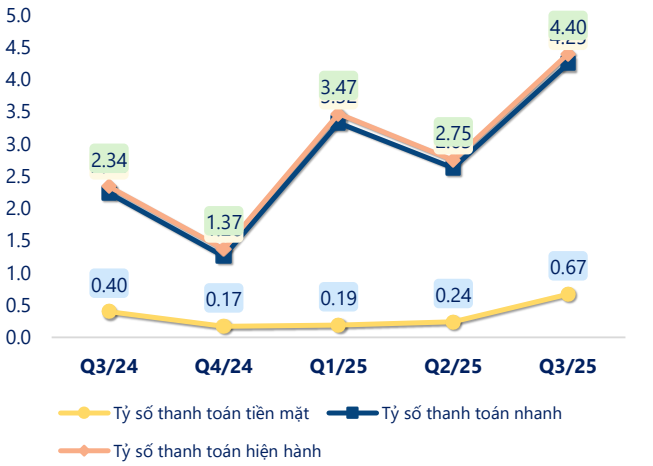
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



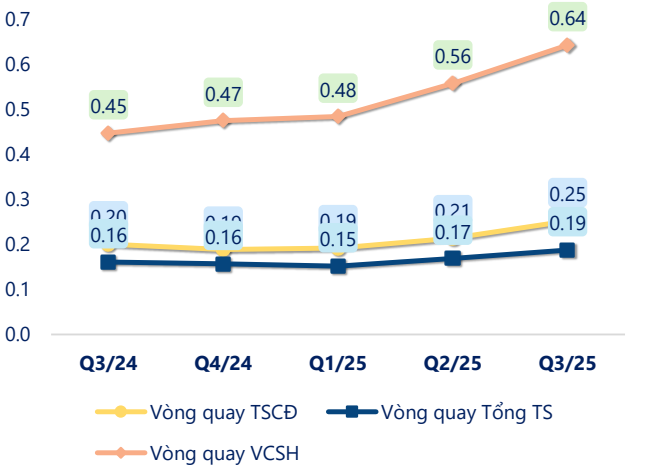
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



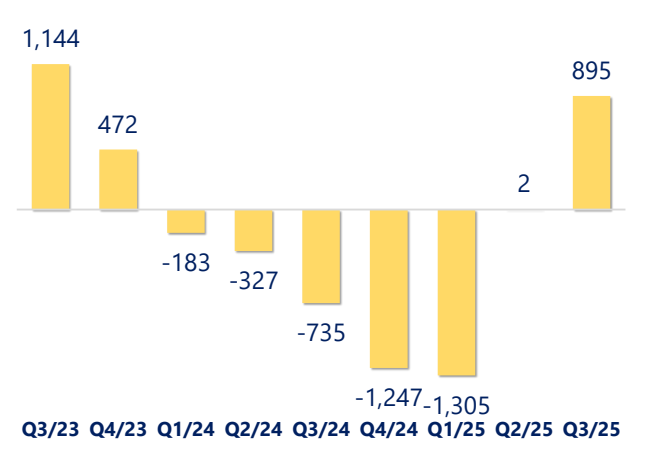
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS

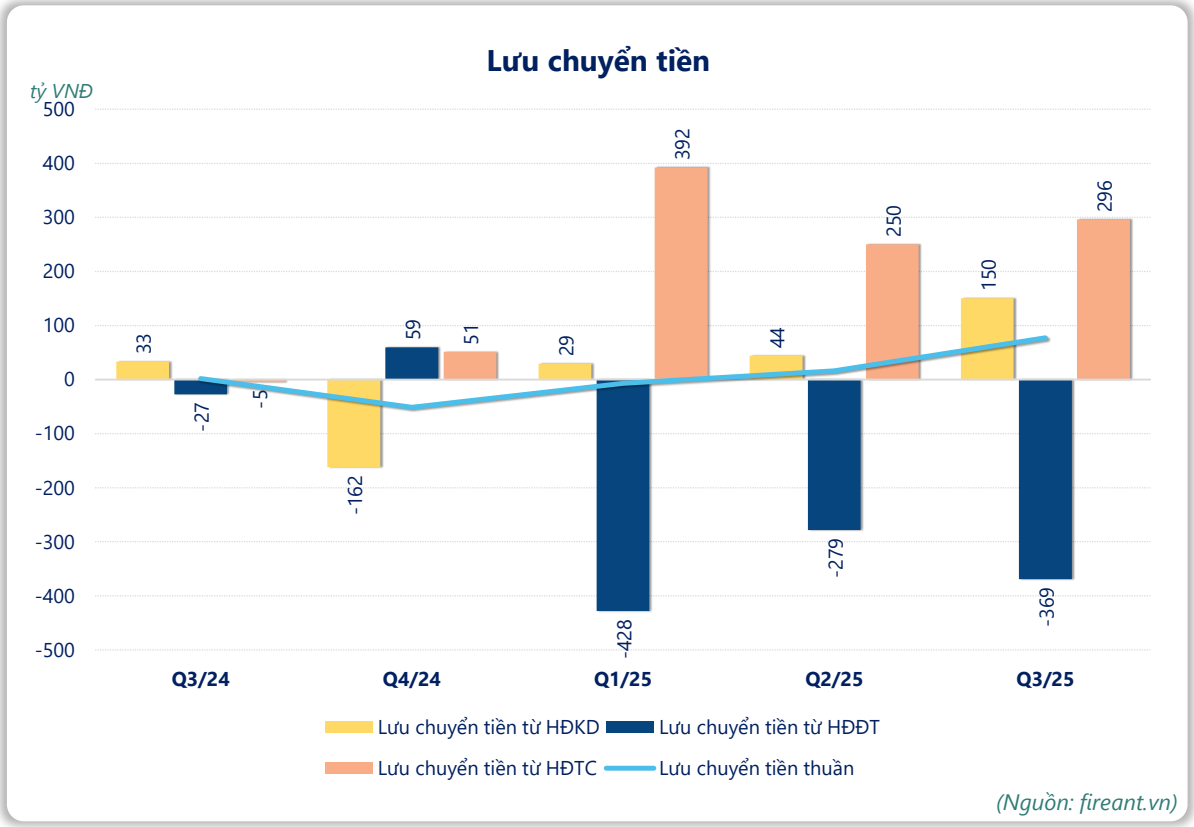


(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Đầu tư nước sạch Sông Đà (UPCOM: VCW)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**252**	**143**	**76.1%**	**657**	**430**	**52.7%**
Giá vốn hàng bán	150	120	24.8%	385	336	14.6%
Lợi nhuận gộp	102	22.9	345%	271	93.8	189%
Doanh thu HĐTC	0.05	0.05	-5.6%	6.06	5.99	1.2%
Chi phí TC	49.9	38.7	29.0%	130	115	13.6%
Chi phí lãi vay	49.9	38.7	29.0%	130	80.7	61.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**11.3**	**17.2**	**-34.2%**	**34.3**	**39.9**	**-14.0%**
LN thuần từ HĐKD	40.8	-33.0	224%	113	-54.8	305%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**0.00**		**0.00**	**-0.02**	**85.6%**
LN trước thuế	40.8	-33.0	224%	113	-54.8	305%
Lợi nhuận sau thuế	**34.0**	**-33.0**	**203%**	**106**	**-54.8**	**293%**
LNST của CĐ cty mẹ	**34.0**	**-33.0**	**203%**	**106**	**-54.8**	**293%**

(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)